

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thảo.

2. Ông Nguyễn Công Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 617/2024/TLST – DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 404/2024/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 253/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà C: Bà Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 7 năm 2024).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 và ông Nguyễn Minh C1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà T, bà H xin vắng mặt; Ông C1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 7 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C do bà Huỳnh Thị Hồng T đại diện trình bày như sau:

Ngày 28 tháng 4 năm 2024, bà H (là vợ ông C1) có làm giấy chốt nợ hụi, bà H còn nợ số tiền 52.600.000đồng nhưng bà C đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà H luôn né tránh.

Nay bà C yêu cầu bà H và ông C1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà T1 số tiền 52.600.000đồng. Ngoài ra, bà C không còn yêu cầu gì khác.

Tại lời trình bày của bà Nguyễn Thị H: Bà H xác nhận bà C là hội viên và tham gia chơi hội đến ngày 28 tháng 4 năm 2024 hai bên có làm giấy chốt nợ hội như bà C trình bày là đúng. Nay bà C yêu cầu ông C1 và bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ thì bà H đồng ý nhưng xin đến ngày 30 tháng 12 năm 2024 sẽ bán nhà trả hết nợ cho bà C.

Đối với ông Nguyễn Minh C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông C1 không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của ông C1 về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng góp hội*”; Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C1 có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với nguyên đơn bà C do bà T đại diện và bị đơn bà H có yêu cầu xin vắng mặt; Bị đơn ông C1 vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Qua yêu cầu khởi kiện của bà C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H xác nhận còn nợ tiền hội bà C số tiền 52.600.000đồng và xin đến ngày 30 tháng 12 năm 2024 sẽ bán nhà trả hết nợ cho bà C nhưng không được bà T là người đại diện hợp pháp cho bà C đồng ý. Mặt khác, ông C1 là chồng bà H nhưng không hợp tác dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, bà H và ông C1 là vợ chồng và đang chung sống cùng chung nhà mà bà H chơi hội để kiếm tiền lời về trang trải cuộc sống trong gia đình nên bà C yêu cầu ông C1 có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà C nên cần buộc bà H và ông C1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền nợ hội là 52.600.000đồng là phù hợp với các Điều 288, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 14, Điều 15 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về hộ, hội, biểu, phường. Ngoài ra, bà C không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ chưa trả nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C1 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 186, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, Điều 471, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 15 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, họ, hiệu, họ, họ, họ;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh C về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp vốn” đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C1.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Minh C số tiền 52.600.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C1 phải có trách nhiệm liên đới chịu 2.630.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. H1 lại cho bà Nguyễn Thị Minh C số tiền 1.315.000đồng tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 5190 ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án này là sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Hiệp